TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2018
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đực - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973;

Địa chỉ cư trú: ấp PH B, xã PT A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Huỳnh Thị Nguyệt Ph, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: ấp PH B, xã PT A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị Nguyệt Ph cưới nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, trước khi tiến tới hôn nhân không có tìm hiểu trước, mà do mai mối nhưng anh chị vẫn tự nguyện đồng ý cưới nhau. Sau khi cưới vợ chồng anh chị sống với gia đình anh. Nhưng đến năm 2013, thì vợ chồng thường xuyên cải vả nhau, do chị Ph thường xuyên chơi số đề, không quan tâm gì đến cuộc sống của gia đình, tuy đã nhiều lần khuyên can nhưng chị Ph vẫn không sửa đổi, nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng không còn sống chung thì hai vợ chồng có những lúc gặp nhau nhưng không thể hàn gắn lại được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị Nguyệt Ph.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước Tr, sinh ngày 22/4/2000, hiện cháu Phước Tr đang sống chung với anh, nay ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cháu Tr và không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị Ph chung sống không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Ph chung sống không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Huỳnh Thị Nguyệt Ph, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng chị từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 20/4/2018 cháu Nguyễn Phước Tr trình bày: "Ba mẹ li hôn nguyện vọng là ở với ba".

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ; về con chung, chấp nhận yêu cầu của anh Đ, anh Đ được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Phước Tr, sinh ngày 22/4/2000 và theo nguyện vọng của cháu là sống chung với ba, chị Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung, không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Tại phiên tòa bị đơn chị Huỳnh Thị Nguyệt Ph đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Huỳnh Thị Nguyệt Ph là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh Đ đối với chị Ph, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của anh Đ tại phiên tòa hôm nay thì cuộc sống của anh và chị Ph không hạnh phúc, chị Ph thường xuyên chơi số đề, không quan tâm đến gia đình và con cái, mặc dù anh nhiều lần khuyên can nhưng chị Ph vẫn không thay đổi; mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng tuy cũng có gặp nhau để hàn gắn lại nhưng vẫn không thành. Đối với chị Ph thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị đến để Tòa án hòa giải, động viên cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị vẫn cố tình không đến và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh Đ và chị Ph hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Đ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Nguyễn Văn Đ ly hôn với chị Huỳnh Thị Nguyệt Ph.

[4] Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ yêu cầu tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước Tr, sinh ngày 22/4/2000 và không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi cha mẹ ly thân cho đến nay cháu Tr sống với anh Đ và cũng như phù hợp với ý nguyện của cháu là muốn được sống với ba, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Đ được tiếp tục

nuôi dưỡng cháu Phước Tr và không buộc chị Ph cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh Đ trình bày trong quá trình vợ chồng chung sống không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị Ph không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Huỳnh Thị Nguyệt Ph.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Đ.

2.1. Anh Nguyễn Văn Đ được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước Tr, sinh ngày 22/4/2000.

2.2. Chị Huỳnh Thị Nguyệt Ph không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Huỳnh Thị Nguyệt Ph có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 14655 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã PT A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng